TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2025
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hùng Phong.

Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Vừ Y D, sinh ngày 10/5/1996 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/11/2024, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Vừ Y D trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn T quen nhau rồi đi đến hôn nhân bằng lễ cưới vào năm 2016. Đến ngày 26/5/2017 thì đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50/2017. Giữa bà và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09/3/2019 và Nguyễn Chí Q, sinh ngày 25/4/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau do ông T ghen tuông vô cớ, đánh và chửi bới bà nhiều lần, mẹ chồng nhiều lần khuyên can nhưng ông T không tiếp thu còn có hành động vừa

mài dao, vừa chửi bới đòi đâm chém bà. Sau khi biết được bà nộp đơn khởi kiện ly hôn, ông T có yêu cầu bà rút đơn khởi kiện lại nhưng bà không đồng ý thì ông T tiếp tục hăm dọa sẽ đâm bà.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi con chung là Nguyễn Thị Tường V và đồng ý giao Nguyễn Chí Q cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng và bà cũng không cấp dưỡng ngược lại.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt, quá trình giải quyết có trình bày ý kiến: Ông và bà Vừ Y D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống với nhau có 02 người con chung tên Nguyễn Chí Q, sinh ngày 25/4/2016 và Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09/3/2019. Đối với yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý và mong muốn hàn gắn với vợ, về việc ông ghen tuông rồi hăm dọa đâm vợ là có nhưng nguyên nhân từ khi vợ đi làm đã giấu diếm ông một số chuyện.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì thấy cuộc sống hôn nhân của bà D và ông T không hạnh phúc, ông T được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa 02 lần nhưng đều vắng mặt đã cho thấy ông T không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, bà D kiên quyết ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T. Về con chung cháu Q có nguyện vọng sống với cha, bà D và ông T đồng ý với nguyện vọng của cháu Q nên đề nghị giao cháu Q cho ông T nuôi dưỡng; riêng cháu Tường V là bé gái và bà D có yêu cầu được nuôi con nên đề nghị giao cháu V cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp ý kiến của ông T mỗi người được nuôi một người con chung. Về án phí đề nghị xem xét quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các vấn đề về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số

50/2017 ngày 26/5/2017 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng giữa bà D và ông T thiếu sự tin tưởng, yêu thương và quan tâm nhau. Cụ thể ông T nghi kỵ bà D dẫn đến ghen tuông và có hành vi dùng dao hăm dọa gây thương tích cho vợ, đây là hành vi bạo lực gia đình. Quá trình giải quyết, ông T đã có điều kiện nhìn nhận lại hành vi của mình nhưng vẫn không thay đổi, tiếp tục nghi ngờ và có hành vi hăm dọa sử dụng bạo lực với bà D1. Qua phân tích đã cho thấy mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Giữa bà D và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09/3/2019 và Nguyễn Chí Q, sinh ngày 25/4/2016. Nhận thấy cháu Q đang sống với ông T và có nguyện vọng sống với cha, bà D đồng ý nguyên vọng của cháu Q và yêu cầu nuôi con chung là cháu Tường V. Qua xem xét nguyên vọng của cháu Q và ý kiến ông T về việc vợ chồng mỗi người được nuôi một người con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D1 được nuôi con chung là Tường V và giao cháu Q cho ông T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng cho con, bà D và ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn bà Vừ Y D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện T là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Vừ Y D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà V1 Y Dải được trực tiếp nuôi dưỡng con chung với ông T tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 09/3/2019 và giao ông Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung với bà D tên Nguyễn Chí Q, sinh ngày

25/4/2016. Ông Nguyễn Văn T và bà Vừ Y D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Bà Vừ Y D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008022 ngày 15/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Bà Vừ Y D đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- UBND xã Thạnh Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai